

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **66/2023/HS-ST**
Ngày 16-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Thọ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Bút

Bà Lê Thị Hoàng Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 52/2023/HSST ngày 04 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN PHÚ T, sinh ngày 29/3/1996 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: Xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; trình độ văn hoá 9/12; nghề nghiệp: Phụ xe; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phú Tr và bà Lê Thị H; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 04/4/2023, bị Công an xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 31/3/2023 đến ngày 09/4/2023 chuyển tạm giam cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. PHẠM HƯNG T, sinh ngày: 17/7/1993 tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; trình độ văn hoá 12/12; nghề nghiệp: Lái xe; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Th và bà Bùi Thị Th; vợ

Nguyễn Thị Q và 02 con (lớn nhất sinh năm 2018, con nhỏ nhất sinh năm 2022); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 31/3/2023 đến ngày 09/4/2023 chuyển tạm giam cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. NGUYỄN TRI K, sinh ngày: 29/8/1986 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: Xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; trình độ văn hoá 9/12; nghề nghiệp: Lái xe; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tri Khánh và bà Trần Thị L; vợ Ngô Thị L và 02 con (lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 09/8/2013, bị TAND huyện Hòa Vang xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt vào ngày 25/5/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 31/3/2023 đến ngày 09/4/2023 chuyển tạm giam cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông **Trần Quang T**, sinh năm 1972; trú tại: Xã H, huyện H, tp Đà Nẵng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 23 giờ 10 phút ngày 30/3/2023, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc có một số đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy tại bến xe Đ thuộc địa bàn xã H, huyện H, TP.Đà Nẵng, Công an huyện H đến hiện trường và phát hiện các đối tượng Phạm Hưng T, Nguyễn Phú T và Nguyễn Tri K đang sử dụng trái phép chất ma túy trong ca bin xe ô tô tải 43H-A AAAA nên đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Tang vật tạm giữ khi bắt quả tang gồm:

- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 ống thủy tinh bên trong có bám dính chất tinh thể màu trắng, 01 chai nhựa và 01 ống hút (ký hiệu A1);
- 01 gói ni long bên trong chứa chất tinh thể màu trắng. Theo Phạm Hưng T khai nhận là chất ma túy của Phạm Hưng T cất riêng để sử dụng cho bản thân, ký hiệu A2 (Nguyễn Phú T và Nguyễn Tri K không biết việc này);
- 01 gói ni long bên trong chứa chất tinh thể màu trắng. Đây là gói ma túy mà Nguyễn Phú T đưa cho Phạm Hưng T cất giúp, ký hiệu A3 (K không biết việc này);
- 01 bật lửa;
- 01 ĐTDĐ Oppo màu xanh, gắn sim số: 0905.515400 của Nguyễn Tri K;
- 01 ĐTDĐ Oppo màu đen, gắn sim số: 0931.940.644 của Phạm Hưng T;
- 01 ĐTDĐ Vivo màu xanh gắn sim số: 0934.832682 của Nguyễn Phú T;
- 01 xe ô tô tải, biển kiểm soát 43H-A AAAA.

Trên cơ sở bắt quả tang, Cơ quan điều tra Công an huyện H tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Phú T tại thôn D, xã H, huyện H, TP.Đà Nẵng và tiếp tục thu giữ 01 gói ni long bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (Ký hiệu A4).

Tại Kết luận giám định số: 293/KL-KTHS, ngày 07/4/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Đà Nẵng xác định:

- Tinh thể màu trắng bám dính trong ống thủy tinh (Ký hiệu A1) gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine.

- Tinh thể màu trắng trong các bì ni long (Ký hiệu A2, A3, A4) gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine. Khối lượng mẫu A2 là 0,047 gam, khối lượng mẫu A3 là 0,218 gam, khối lượng mẫu A4 là 0,064 gam.

Quá trình điều tra, xác định: Vào ngày 30/3/2023, Nguyễn Tri K điều khiển xe ô tô tải 43H-14506 chở đá và đón Nguyễn Phú T tại khu vực gần trung tâm hành chính huyện H với mục đích là kèm Nguyễn Phú T học phụ xe. Khi lên xe thì Nguyễn Phú T cầm theo 01 bao ni long và ra ngồi ghế phía sau ghế tài. Khi K điều khiển xe đổ đá tại quận Liên Chiểu xong và trên đường đi về bến xe Đ thì Nguyễn Phú T có soạn dụng cụ hút ma túy ra hút ma túy, Nguyễn Phú T có rủ K hút cùng nhưng do K đang lái xe nên không hút mà tiếp tục điều khiển xe chạy về bến xe Đ ở xã H, huyện H. Khi về đến bến xe thì K quá gian xe đi về nhà, con Nguyễn Phú T thì cầm bộ dụng cụ sử dụng ma túy đến xe ô tô 43H-AAAAA của Phạm Hưng T, rủ Phạm Hưng T cùng sử dụng ma túy thì Phạm Hưng T đồng ý. Tiếp đó Nguyễn Phú T lên ngồi vào trong ca bin xe 43H-AAAAA rồi cùng Phạm Hưng T hút ma túy. Hút được 02 đến 03 hơi thì Nguyễn Phú T mượn xe mô tô của Phạm Hưng T về nhà ăn tối. Ăn tối xong, Nguyễn Phú T lấy 01 gói ma túy chạy đến chỗ xe của Phạm Hưng T, đưa cho Phạm Hưng T cất giúp để sử dụng sau này. Tiếp đó, cả hai tiếp tục hút ma túy được 02 -03 hơi thì K gọi điện thoại báo Nguyễn Phú T đến nhà K đón K ra bến xe nên Nguyễn Phú T đã mượn xe mô tô của Phạm Hưng T đi chở K. Chở K đến bên xe thì K lên xe 43H- 14506 kiểm tra giấy tờ, đèn, phanh, còn Nguyễn Phú T thì quay lại xe của Phạm Hưng T tiếp tục cùng Phạm Hưng T hút ma túy. Sau khi kiểm tra xe xong thì K đi tìm Nguyễn Phú T, khi K đến xe của Phạm Hưng T thì thấy cả hai đang hút ma túy trong ca bin xe 43H-AAAAA thì hỏi cho hút một hơi, đồng thời mở cửa leo lên cầm ống hút để Nguyễn Phú T bật lửa đốt lên cho K hút ma túy. Khi cả 03 đang hút ma túy thì bị Công an phát hiện bắt quả tang như đã nêu trên.

Ngoài ra, quá trình điều tra Nguyễn Tri K và Nguyễn Phú T còn khai nhận:

Lần thứ nhất: Vào sáng ngày 15/3/2023, K điều khiển xe ô tô 43C-14506 (Do K quản lý) đi chở đá tại thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Trong lúc chở lấy đá lên xe thì Nguyễn Phú T lấy túy ra và sử dụng trong ca bin xe ô tô 43C- 14506, K thấy Nguyễn Phú T sử dụng nhưng không ý kiến gì.

Lần thứ hai: Vào sáng ngày 19/3/2023, K điều khiển xe ô tô 43C-14506 đi chở đá tại thôn Ph, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Trong lúc chở lấy đá lên xe thì Nguyễn Phú T lấy ma túy ra và sử dụng trong ca bin xe ô tô 43C-14506, K thấy Nguyễn Phú T sử dụng nhưng không ý kiến gì.

Lần thứ ba: Vào sáng ngày 25/3/2023, K điều khiển xe ô tô 43C-14506 đi chở đá tại thôn Ph, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Trong lúc chờ lấy đá lên xe thì Nguyễn Phú T lấy ma túy ra và sử dụng trong ca bin xe ô tô 43C-14506, K thấy Nguyễn Phú T sử dụng nhưng không ý kiến gì.

Bản cáo trạng số: 56/CT-VKS ngày 04/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang truy tố các bị cáo như sau:

- Bị cáo Nguyễn Phú T, bị cáo Phạm Hưng T về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Nguyễn Tri K về tội “*Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Đối với bị cáo Nguyễn Phú T: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Phú T từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm 06 tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Phú T phải chấp hành.

Áp dụng khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự, phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Phú T từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

- Đối với bị cáo Phạm Hưng T: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Hưng T từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm 06 tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Phạm Hưng T phải chấp hành.

Áp dụng khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự, phạt bổ sung bị cáo Phạm Hưng T từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

- Đối với bị cáo Nguyễn Tri K: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 256; điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tri K từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “*Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng khoản 3 Điều 256 của Bộ luật hình sự, phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Tri K 50.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

Ngoài ra, còn đề cập đường lối xử lý về tang vật, vật chứng và tiền án phí.

Bị cáo Nguyễn Phú T, Phạm Hưng T và Nguyễn Tri K nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh đối với các bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Phú T, Phạm Hưng T và Nguyễn Tri K khai nhận: Vào ngày 30/3/2023, Nguyễn Phú T mang theo ma túy lên xe ô tô tải 43H- 14506 do Nguyễn Tri K điều khiển đi chở đá. Trên đường đi thì Nguyễn Phú T đã lấy ma túy ra sử dụng trên ca bin xe ô tô nhưng K không có ý kiến gì mà mặc nhiên để cho Nguyễn Phú T sử dụng. Đến chiều cùng ngày, sau khi K điều khiển xe ô tô về bến xe Đ ở xã H, huyện H, tp Đà Nẵng thì Nguyễn Phú T tiếp tục mang ma túy qua xe ô tô 43H-AAAAA do Phạm Hưng T quản lý, lên xe ô tô này rồi cùng Phạm Hưng T sử dụng ma túy. Trong lúc cả hai đang sử dụng ma túy thì K cũng đi qua rồi lên ca bin xe của Phạm Hưng T cùng với Phạm Hưng T và Nguyễn Phú T sử dụng ma túy. Trong lúc cả ba đang sử dụng ma túy thì bị phát hiện bắt quả tang. Lời nhận tội của các bị cáo Nguyễn Phú T, Phạm Hưng T, Nguyễn Tri K phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với bản ảnh dựng lại hiện trường, biên bản xác định hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo Nguyễn Phú T, bị cáo Phạm Hưng T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo Nguyễn Tri K phạm tội “*Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang truy tố các

bị cáo Nguyễn Phú T, Phạm Hưng T và Nguyễn Tri K là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo thì thấy:

* *Đối với tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy:* Bị cáo Nguyễn Phú T có hành vi chuẩn bị ma túy và bộ công cụ sử dụng ma túy mang đến xe ô tô tải BKS: 43H-011.54 do Phạm Hưng T quản lý, rồi Phạm Hưng T sử dụng chung ma túy, đồng thời để Nguyễn Tri K đến tự ý vào sử dụng ma túy chung trong lúc sử dụng trái phép với Phạm Hưng T. Bị cáo Phạm Hưng T có hành vi sử dụng cabin xe 43H-011.54 do mình quản lý để làm địa điểm, đồng thời cùng sử dụng trái phép chất ma túy với bị cáo Nguyễn Phú T và mặc nhiên để Nguyễn Tri K đến tự ý vào sử dụng ma túy chung. Do đó, các bị cáo Nguyễn Phú T, Phạm Hưng T phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy với tình tiết định khung “*đối với hai người trở lên*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của BLHS. Hành vi phạm tội của hai bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, lên kế hoạch phạm tội từ trước và vai trò là tương đồng nhau.

* *Đối với tội tàng trữ trái phép chất ma túy:*

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Phú T, bị cáo Phạm Hưng T thể hiện trong lúc đang sử dụng trái phép chất ma túy trên cabin xe 43H-011.54 với Phạm Hưng T thì Nguyễn Phú T thấy ma túy gần hết nên về nhà lấy thêm một gói ma túy đá đến đưa cho Phạm Hưng T cất giữ với mục đích sử dụng chung. Đồng thời khám xét chỗ ở của Nguyễn Phú T tại thôn D, xã H, huyện H, TP Đà Nẵng thu giữ thêm một gói ma túy đá bị cáo Nguyễn Phú T khai cất để dành sử dụng cho lần khác. Theo kết luận giám định số 293-KL-KTHS của phòng kỹ thuật hình sự thì hai gói ma túy thu của Nguyễn Phú T là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng tinh thể A3: 0,218 gam, A4: 0,064 gam. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Phú T đã đủ yếu tố cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tại thời điểm bắt quả tang lực lượng Công an có thu giữ của Phạm Hưng T một gói ma túy (ký hiệu A2) cất giấu sau ghế, Phạm Hưng T khai mục đích để sử dụng cho bản thân. Đồng thời Phạm Hưng T còn có hành vi cất giữ một gói ma túy (ký hiệu A3) do Nguyễn Phú T đưa đến để cả hai sử dụng. Theo kết luận giám định số 293-KL-KTHS của phòng kỹ thuật hình sự thì hai gói ma túy mà Phạm Hưng T cất giấu là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng tinh thể A2: 0,047 gam; A3: 0,218 gam. Do đó, hành vi của bị cáo Phạm Hưng T đã đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

* *Đối với tội chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy:* Ngày 09/8/2013, bị cáo Nguyễn Tri K bị Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 25/5/2019. Lẽ ra, sau khi ra tù bị cáo K lấy đó làm bài học cho bản thân để tu chí làm ăn, nhưng ngược lại bị cáo có ý thức coi thường pháp luật nên tiếp tục phạm tội, cụ thể: Vào ngày 30/3/2023, bị cáo Nguyễn Tri K có hành vi để cho bị cáo Nguyễn Phú T sử dụng trái phép chất ma túy trên cabin xe 43C-145.06 do mình điều khiển, quản lý. Bị

cáo K nhận thức rõ việc để Nguyễn Phú T sử dụng trái phép chất ma túy trên xe 43C-145.06 là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo K vẫn để mặc Nguyễn Phú T sử dụng ma túy. Ngoài lần để Tài sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 30/3/2023 thì K còn để Nguyễn Phú T sử dụng trái phép chất ma túy trên cabin xe 43C-145.06 thêm ba lần vào các ngày 15/3/2023, 19/3/2023 và 25/3/2023 khi xe 43C-145.06 đỗ tại mỏ đã thuộc thôn Ph, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Tri K đã đủ yếu tố cấu thành tội chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy, với tình tiết định khung “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 256 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng các chất ma túy, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Ma túy đang là vấn nạn chung của xã hội, không những làm suy thoái nhân cách, phẩm giá, gây xói mòn đạo lý và là tác nhân của lây lan nhiều căn bệnh xã hội. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tàng trữ trái phép chất ma túy, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy là hành vi vi phạm pháp luật, bị nghiêm cấm nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy khi lượng hình cần xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm minh tương xứng với hành vi phạm tội cũng như nhân thân của từng bị cáo, có như vậy các bị cáo mới nhận thức được lỗi lầm, có hướng sửa chữa, khắc phục và phấn đấu để trở thành công dân có ích cho gia đình và cho xã hội.

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Phú T, Phạm Hưng T phạm cùng lúc 02 tội là “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Phú T, Phạm Hưng T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội.

Song khi lượng hình cũng cần xem xét các bị cáo tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo Phạm Hưng T có thời gian tham gia quân đội, bị cáo K tự thú hành vi phạm tội khi chưa bị phát hiện để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[4] Tại phiên tòa, xét thấy quan luận tội của Kiểm sát viên đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng:

* Đối với 0,110 gam ma túy loại Methamphetamine (mẫu A3) và toàn bộ vỏ bao gói được niêm phong trong bì thư có đóng dấu giáp lai của Phòng kỹ thuật hình sự TP Đà Nẵng (Theo kết luận giám định số 293/GĐ-MT ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự CATP Đà Nẵng); 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm: 01 ống hút nhựa; 01 bình nhựa và ống thủy tinh được hoàn trả lại sau giám định) và 01 (một) bật lửa. Xét đây là tang vật của vụ án nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

* Đối với 01 (một) điện thoại di động Vivo màu xanh gắn sim số 0934.832.862; số IME: 353442111095383 thu giữ của bị cáo Nguyễn Phú T (không kiểm tra chất lượng); 01 (một) điện thoại di động OPPO màu đen gắn sim số 0931.940.644; số IME: 868062060482834 thu giữ của bị cáo Phạm Hưng T (không kiểm tra chất lượng); 01 (một) điện thoại di động OPPO màu xanh gắn sim số 0905.515.400; số IME: 866314058380716 thu giữ của bị cáo Nguyễn Tri K (không kiểm tra chất lượng). Xét thấy các điện thoại nêu trên, không liên quan đến vụ án nên cần tuyên trả lại cho các bị cáo là đúng pháp luật.

* Đối với xe ô tô tải, biển kiểm soát 43H-AAAAA: Do ông Trần Quang T, trú tại thôn Q, xã H, huyện H, TP.Đà Nẵng đứng tên chủ sở hữu. Ông Trần Quang T không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý và trả lại xe cho ông T là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Phú T, bị cáo Phạm Hưng T và bị cáo Nguyễn Tri K phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Phú T phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú T 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Phú T phải chấp hành hình phạt chung là 09 (Chín) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 31/3/2023.

Áp dụng khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tuyên phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Phú T 10.000.000 đ (Mười triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

II- Tuyên bố: Bị cáo Phạm Hưng T phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255 và điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Hưng T 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Phạm Hưng T phải chấp hành hình phạt chung là 09 (Chín) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 31/3/2023.

Áp dụng khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tuyên phạt bổ sung bị cáo Phạm Hưng T 10.000.000 đ (Mười triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

III- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tri K phạm tội “*Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 256; điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tri K 08 (Tám) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 31/3/2023.

Áp dụng khoản 3 Điều 256 của Bộ luật hình sự.

Tuyên phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Tri K 50.000.000 đ (Năm mươi triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

IV- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

1/ Tuyên tịch thu tiêu hủy:

+ 0,110 gam ma túy loại Methamphetamine (mẫu A3) và toàn bộ vỏ bao gói được niêm phong trong bì thư có đóng dấu giáp lai của Phòng kỹ thuật hình sự TP Đà Nẵng (Theo kết luận giám định số 293/GĐ-MT ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự CATP Đà Nẵng);

+ 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm: 01 ống hút nhựa; 01 bình nhựa và ống thủy tinh được hoàn trả lại sau giám định);

+ 01 (một) bật lửa;

2/ Tuyên trả lại cho các bị cáo:

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Phú T 01 (một) điện thoại di động Vivo màu xanh gắn sim số 0934.832.862; số IME: 353442111095383 (không kiểm tra chất lượng);

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Hưng T 01 (một) điện thoại di động OPPO màu đen gắn sim số 0931.940.644; số IME: 868062060482834 (không kiểm tra chất lượng);

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tri K 01 (một) điện thoại di động OPPO màu xanh gắn sim số 0905.515.400; số IME: 866314058380716 (không kiểm tra chất lượng).

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 26/7/2023).

V- Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Phú T, bị cáo Phạm Hưng T và bị cáo Nguyễn Tri K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

VI- Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Công an huyện Hòa Vang;
- VKSND huyện Hòa Vang
- CCTHADS huyện Hòa Vang;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Đức Thọ

